



Cuốn c Chi n Vi t
Nam

KHI ĐÔNG MINH THẢO CHẠY

Phần V - Chương 19

Tại sao sụp đổ

Năm 1954, khi Địch n Biên Ph l m nguy, ngày 25 tháng 3, Chính ph Pháp c T ng Tham M u Quân Đ i, t ng Paul Ely đi Washington c u c u Hoa k can thi p và g p rút ti p vi n cho đoàn quân vi n chinh Pháp, T ng th ng Eisenhower đã t ch i. Địch n Biên Ph th t th , d n t i s chia đôi đ t n c Vi t nam.

Th t là m t s trùng h p: đúng 21 năm sau, cũng cùng m t ngày (25 tháng 3, 1975), trong khi quân, dân Mi n Nam rút t Hu v Đà N ng, Chính ph VNCH c u c u Hoa k , T ng th ng Ford làm ng , Đà N ng th t th và trên th c t , coi nh mi n Nam đã s p đ .

Trong hai cu c chi n đã có nhi u đi m t ng đ ng. Nh ng đi m trùng h p quan tr ng nh t đã là vai trò ch y u c a Hoa k t i chi n tr ng Đông D ng...

Có nhi u lý do đã đ a Mi n Nam t i ch s p đ nh đã đ c đ c p b i nhi u nhà bình lu n Vi t, M trong 30 năm qua. Nh ng lý do đó g m các y u t khách quan cũng nh ch quan, trong cũng nh ngoài n c. V đ i n i, thí d nh s b t quân bình c a cán cân l c l ng Mi n Nam và Mi n B c, s thu n nh t c a m t xã h i trong ch đ c ng s n và tính đa đ ng cùng khuy h ng phân tán trong m t xã h i t do. Tôi cũng đ ng ý v i câu ph ng châm "tiên trách k , h u trách nhân" c a ng i x a. Tr c nh ng th t b i, ta ph i t trách mình tr c "mea culpa" (l i t i tôi). V chính tr , các bình lu n gia th ng nêu lên nh ng y u kém, khuy t đi m c a lãnh đ o và nhân dân Mi n Nam. Lãnh đ o thì đ c tài, thi u kh năng, quá tin vào M , tham nh ng, có khi còn xa hoa quá m c. Nhân dân thì chia r , m t ph n thì th , ch ng đ i, chán ch ng m t cu c chi n dài lê thê.

Tất cả những gì trên, không ít thì nhiều đều có phần xác đáng. Tuy nhiên, sau khi theo dõi cuộc chiến nhiều năm, rõ ràng nhất là từ ngay trên đất Mỹ (vào những năm 1958-1972), cũng như đã được chứng kiến những sự việc ở hậu phương trong ba năm cuối cùng của Miền Nam (1973-1975), rồi nghiên cứu thêm về đó, tôi vẫn khẳng định rằng sự lệ thuộc vào Hoa Kỳ gần như hoàn toàn, cả về vật chất lẫn tâm lý đã là yếu tố quyết định.

Hãy nhìn lại cuộc chiến 1945-1954, chính nước Pháp cũng đã phải lệ thuộc vào Mỹ như vậy. Mỹ càng chiến tranh càng lên cao, Pháp càng phải dựa vào tiền bạc của Mỹ. Từ khi khoét ngòi gian 1950-1954, trên 75% ngân sách chiến tranh Đông Dương là do Mỹ đài thọ. Đến thời VNCH, cũng trên 75% ngân sách Quốc phòng (trừ lương cho quân đội) là do viện trợ Mỹ. Rồi toàn bộ quân trang, quân dụng, từ vũ khí, viên đạn, lít xăng, từ xe tăng, từ bác, máy bay, cái gì cũng có nhãn hiệu của MDAP (Military Defense Assistance Program) của Mỹ.

Về mặt kinh tế, khi chiến tranh leo thang, sự xuống dốc trong nước không phát triển được, lại còn tất thảy, cung cấp cho nhu cầu của nhân dân phải dựa vào đô la của Mỹ để nhập hàng. Những sự phụ thuộc cho nhu cầu từ ăn, ở, mặc, từ việc chuyên, mặt từ lệ thuộc quan trọng được đáp ứng từ "viên trợ Mỹ".

Về ăn uống hàng ngày, nông dân của đô la để nhập phân bón và thuốc sát trùng mà sự xuống dốc thực phẩm. Vẫn không đủ, còn phải nhập thêm hàng mấy trăm ngàn tấn gạo mỗi năm.

Chưa? Ta cần nhập vật liệu như xi măng, sắt thép, tôn, thì phải xây dựng được.

Nhu cầu mà? Miền Nam vẫn phải nhập hàng máy móc, bông gòn để sự xuống ra vải; cũng không đủ, còn phải nhập thêm vải.

Về việc chuyên, giao thông: ta cần nhập xe buýt, xe vận tải, xe Honda, xăng nhớt; nhập rồi mỗi năm lại còn đòi hỏi phải từng thay thế.

Đó là chưa nói tới những nhu cầu khác như y tế, giáo dục, giải trí. Cũng chưa kể là từng khi lệ thuộc hàng hóa (nhờ để hàng, radio, TV, từ điện, rồi từ mìn, thuốc lá, quần áo) đã được chuyên ra bằng cách này hay cách khác, từ hàng thông tin từ "PX" của Mỹ, được biết là từ căn cứ Long Bình. Như vậy, về vật chất, sự lệ thuộc đã hầu như là toàn diện. Tình trạng này lại còn đến từ sự lệ thuộc về tinh thần và tâm lý. Nếu Mỹ còn giúp, thì các nhà lãnh đạo và dân, quân Miền Nam còn chịu được, chiến đấu. Nếu có đến từ viện trợ là hàng bắt buộc, thì tinh thần bắt buộc sa sút. Tất cả lúc bắt đầu là sụp đổ.

Ngoài những lý do về kinh tế, lịch sử, và bản chất của cuộc chiến, sự lệ thuộc về vật chất lẫn tinh thần, mặt phần cũng là hiệu quả của phương pháp làm việc, nếu không nói là chính sách của Mỹ ở Miền Nam. Nó đã không cho những cách hành động Miền Nam tiếp, từ quyết, từ chiến.

Về mặt chính trị hàng ngày, khi Tổng thống Diêm muốn thông qua thuyết về Hà Nội để chấp nhận, thì tin tức thông tin trong hoà bình, ông đã bắt đầu. Ta hãy khách quan mà suy nghĩ nếu như Nam-Bắc đã dàn hoà được với nhau từ 1963, không có 12 năm chiến tranh khốc liệt, thì ngày nay nước Việt nam sẽ như thế nào? Ngay từ thời điểm chiến, Sài Gòn đã là "Viên ngọc của Á Đông", lúc Đài Loan còn là đảo Formosa và Singapore chưa thành mặt nước.

Đến đầu năm 1971, khi ông thầy tôi là Warren Nutter, Phó tá Bộ trưởng quốc phòng nghi ngờ có khả năng Kissinger đang bàn với Miền Nam, dù lúc đó chưa biết là đang có mặt đàm tại Paris, ông cũng khuyên tôi là nên tìm cách nào thúc đẩy phía VNCH phải chấp nhận hàng. Vì là mặt viên chức cao cấp trong Chính phủ Mỹ, ông không thể có ý kiến riêng cho VNCH.

Một sáng kiến hoà bình

Khi gặp Tổng thống Thiệu hồi tháng 9, 1971, tôi đã chấp nhận thuyết phục ông phải từ mình có sáng kiến hoà bình cho được phía Mỹ lôi cuốn. Tôi đề nghị phía VNCH mang từ Hoà Đàm Paris mặt đề nghị về chấp nhận về miền Bắc. Đây là giải pháp mà tôi đã nghiên cứu từ đầu năm 1969, sau khi vì tình hình chuyên viên thăm nước Đức, đã tìm hiểu được mô hình

thäng mäi giäa Đäng Đäc và Tây Đäc rät häp lý. Näc Đäc cũng chia đôi ra làm hai miän väi hai chính thä đäi nghäch, thä mà vän cä buôn bán väi nhau liên täc, nên sä xung đät đã có thä bät cäng thäng. Sau này khi hä thäng nhät vào năm 1990 không cän täi mät viên đän, tôi đã hät säc cäm kích!

Dù räng vào thäi đäi m 1971, Täng thäng Thiäu rät cäng rän vä chính sách "bän không", nhäng ông cũng đäng ý chäp nhän đäng mà tôi gäi là "hai miän trong mät đän vä kinh tä". Tuy nhiên, ông läi đän tôi là thä thăm dò ý kiän Mä xem sao? Tôi nghĩ thä mäng mình muän phía VNCH đäa ra sáng kiän, ông läi bäo mình häi Mä.

Tôi gäp quan chäc Bä Ngoäi giao Hoa kä và dò häi, hä bình luän: "mang ra thì cä mang, nhäng chäc đã muän räi". Sau cùng ông Thiäu đã đem đäng này vào mät bài đän vän khi ông ra đäng cä nhiäm kä thä hai vào năm 1971.

Đä yäm trä cho đäng xây đäng hoà bình, vào năm 1969, khi có đäu hiäu là Mä bät đäu bä räi Miän Nam, tôi có viät mät bài dài vä vän đä hiäp thäng giäa hai Miän Nam-Bäc cho tä báo uy tín Washington Post, nhäng tä này nhät đäng không đäng. Đän khi Täng thäng Thiäu đäa đäng này vào bài đän vän cäa ông thì tä này mäi in bài väi täa đä "Hai miän Viät nam là bän hàng thäng mäi" (The Vietnams As Partners in trade) vào mäc "Quan đäng" (Outlook) dành riêng cho sä báo mäi ngày chä nhät. Ngày 24 tháng 9, 1972, tä Washington Post đã dành cä mät trang cho bài này.

Tuy đã gây đäng cäng täng vang đä trong chính giäi täi Washington, nhäng không läy gì làm mänh mä läm. Mäy nghä sĩ có tham khäo ý kiän tôi, nhäng räi không thäy có phän đäng gì. Vä sau này tôi mäi biät là vào thäi đäi m đó thì, trong màn bí mät, ông Kissinger đã säp xäp gän xong mäi chuyän cho miän Nam räi.

Vì säp xäp nhä väy không bao giä ông ta häi ý kiän cäa Chính phä Miän Nam mät cách thäc lòng vä nhäng đäng quan träng. Kissinger nhät đäng làm mät mình, và làm đä Paris. Cho đän thäi đäng cuäi cùng träc cä khi Miän Nam säp đä, ngày 26 tháng 4, 1975 Kissinger còn đánh đäng cho Đäi sä Martin nói là "Bät cä đäng đäng nào cũng phäi là giäa Hoa kä và phía Bäc Viät chä không phäi giäa Sài gän và Hà Näi". Ông còn thêm räng "bät cä cuäc thäo luän nào cũng phäi đäng đäng ra täi Paris" (1).

Häu quä cäa lä thuäc

Vä chính trä, phía Mä luôn chä đäng nhä väy, còn vä quân sä? Ngay tä lúc Mä mäi nhúng tay vào Miän Nam cũng đã có sä bät đäng ý vä chiän thuät giäa cä vän Mä và täng lãnh Miän Nam. Trong mät buäi häp, viên tä länh Mä đä Miän Nam, täng O Daniel đã nói toäc ra là "ai chi tiän thì ngäi đó chä huy" (who pays, commands). Räi täi khi chiän tranh leo thang, sä mänh cäa quân đäng Hoa kä đäng xác đäng là chiän đäu, sä mänh quân đäng Miän Nam là gän giä an ninh. Vì thä quân đäng Mä đã theo mät chiän thuät gäi là "tìm và đät đäng" (search and destroy). Báo chí Mä đã riäu cät quân đäng Miän Nam là hä chä theo chiän thuät "tìm và né đäng" (search and avoid).

Có nhiäu lý thuyät cät nghĩa viäc quân đäng Mä muän täng täng tác ngoài chiän träng. Mät trong đó là lý thuyät chiän công trong trän mäc. Chä có trong nhäng trän đánh thì mäi có nhiäu thành tích, mäi chóng lên lon. Tä sau cuäc chiän ta thäy räng: cäp chä huy quân đäng Mä trong các cuäc xung đät vä quân sä, häu hät đäng ra lò tä chiän tranh Viät nam. Các chính trä gia tä hành pháp täi läp pháp, cũng thäng hay đem chiän công đäng Miän Nam ra phô đäng, tuy có khi läi bä đäng kích, nhä träng häp ông John Kerry trong kä tuyän cä 2004.

Vì quân đäng Mä đã chä đäng nên quân đäng Miän Nam không đäng huän luyän täi đä cho täi 1969. Đän khi Mä bät đäng rút đä thì mäi có chäng träng Viät nam Hoá, giúp tân trang và huän luyän quân đäng VNCH. Ta nên nhä chä sau Tät Mäu Thân quân đäng VNCH mäi đäng trang bä

súng M-16 tửi tằm, cừn trửc đứ chử là nhửng khử u sủng Garrant M-I và Carbin cũa thửi đử nhử thử chiửn. Nhử ông Van Marbod, Đử nhử t Phó Phử Tá Bử trửng quử c phỏng đử nhử đử nh, chửng trửng Viử t nam Hoá đử thi hửnh vửi vửng, giửng nhử làm cho "chửn ngửử i đứn bà cú thửi đử đử mử t đử a con trong mử t thửng". Và cú tẻn "Viử t nam Hoá" cừn hửm ý là trửc đứ thử cũc cũ chiửn trửnh đử Mử hoá, cũ chiửn trửnh là cũ a Mử .

Trử lử i vử n đử lử thuử c vử vử t chử t, nhử chửnh Tửng thửng Ford đử viử t trong Hử i ký cũ a ông: chử tửi đử u 1975, khi Quử c hử i Mử cũ t hử u hử t quửn viử n, Miửn Nam mử i mử t mử t tử nh đử u tiẻn trong sủ t cũc cũ chiửn, đứ là Phử c Long. Rử i tử Phử c Long tử i Ban Mê Thuử c, tử i Pleiku, Đứ Nửng và sau hử t là Sài gỏn. Cú đử u là trong nửm 1974, tuy quửn đử i VNCH đử tử p tử c cũ chiửn đử u, nhửng kho đử n đử trử đử đử c sử đử ng gử n hử t. Vào thửi đử m cũ i cũng, sử đử n tử n kho chử cừn đử cũng ử ng tử 30 tử i 45 ngửy. Thay vì đử c tử p liử u đử y đứ nhử đử đử c cũ cam kử t, Hoa kử tửng bử c mử t, đử đử n quyử t đử nh cũ t đử t lửn.

ử y là chử a kử sử tiửn viử n trử cũ n thiử t đử yử m trử cho nử n kinh tử . Nó đử vử a bử cũ t xẻn, vử a bử mử t giá (vử khử ng hoử ng đử u lử a), nẻn đử giử m xử ng tử i mử c bi đứ t. Vì vử y, tử mử a hẻ 1974, khỏng nhửng khử nửng cũ chiửn đử u đử kiử t quử mà cũ tẻnh thử n cũ a giử i lửnh đử o, chử hửy cũc cũ p đử bử t đử u lung lay rử i. Cừng ngửy cũng suy yử đử nhanh, khi cũc đứi phứ tẻnh VOA, BBC liẻn tử c đử a tin cũ t viử n trử .

Ngửyẻn nhửn chửnh Mử bử rử i Miửn Nam

Tử i sao Mử lử i đử t khoát bử rử i Miửn Nam? Cừu trử lử i ngử n gử n là vì quyử n lử i cũ a Mử ử Viử t nam đử khỏng cừn nử a. Sau Thử chiửn thử 2, Hoa kử giửp thửnh lử p hai quử c cũ a: Do Thửi và Viử t nam cũ ng hoả. Ngửy 14 thửng 5, 1947, Do Thửi trử thửnh mử t nử c đử cũ p. Ngay sau đứ, quửn đử i cũ a nửm nử c A Rử p (Ai cũ p, Syria, Jordan, Lebanon và Iraq) tử n cũng Do Thửi. Hoa kử vử i vửng yử m trử, chửnh thử c cũng nhử n Quử c Giỏ Do Thửi. Ngửy 26 thửng 10, 1955, nử c Viử t nam cũ ng hoả đử c thửnh lử p. Hà nử i nhử t quyử t đứi hử i phử i tử chử c tửng tuyử n cũ toản quử c (vào thửng 7, 1956) đử đử tử i thửng nhử t, theo nhử quyử đử nh cũ a Hiử p đử nh Genève. Tửng thửng Diử m, vử i sử ử ng hử mử nh mử cũ a Hoa kử, tử p tử c bứ bử . Tửng thửng Eisenhower tuyẻn bử ông cú thử "trử tay vào quử c cũ a Viử t nam Tử do vử i niử m hửnh đử n "; Ngử sĩ John F. Kennedy (sau nửy kử vử Eisenhower) cừn bẻnh thử: "Tử do chửnh trử ử Miửn Nam là mử t ngử n cũ m hử ng" cho ông.

Ngửy nay, VNCH đử mai mử t 30 nửm rử i, nhửng Do Thửi vử n cừn trửng tử n, lử i cừn mử nh mử hử n. Lý do chửnh là vì Mử vử n cừn cũ n đử n Do Thửi làm tử n đử n đử trử n giử tửi đử u ử Trung Đứng. Vì nhu cũ u đứ, ngửy nay đử đứng phử i gứnh chử u biử t bao nhiẻu hử u quử cũ a chửnh sứch đử i vử i Do Thửi, Mử vử n kiẻn cũ ng. Đử rử rửng là nhửng khử ng hoử ng hiử n tử i nhử cũ chiửn trửnh Iraq, biử n cũ 9/11, Ai Qaeda, cũng thửng vử i Iran, nó đử khỏng ít thử nhiử u, cú đứnh lửu tử i chửnh sứch nửy. Thử c rử, nử u Do Thửi khỏng cú Mử yử m trử thử vử i chử vử n vử n chử a tử i 6 tửi đử u đứn, quửn đử i Do Thửi đử cú tẻi giử i, lửnh đử o đử cú sứng sủ t, trong sử ch, đứn chử , gử p mử y lử n Miửn Nam đử nử a thử chử c cũng đử bử toản khử i A Rử p á p đử o rử i. Chử cũ chử đử n khi nửi thử giử i khỏng cừn cũ n nhiử u đử n đử u lử a nử a vì cú đử c nhửng ngử n nửng lử ng quửn trử ng khứ nhử ánh sứng mử t trử i hửy kử ngử nguyên tử lử c, thử lửc đứ mử i biử t Do phứi cú cừn trửng tử n đử c hửy khỏng?

Nử u tử n đử n đử u lử a ử Trung Đứng cừn cũ n thiử t thử tử n đử n cũ a "thử giử i tử do" bẻn Á chửu lử i khỏng cừn cũ n thiử t nử a. Kử tử ngửy Tửng thửng Nixon bử t tay đử c vử i Trung Quử c thử giá trử cũ a Miửn Nam đử "ngửn chử n lửn sứng đử" đử khỏng cừn là bao nhiẻu trong nhửng tửnh tửnh cũ a Mử vử hử n-thửi t (cost-benefit). Đứn đứ n, Miửn Nam đử hử t vửi trử mử t tử n đử n cũ a "thử giử i tử do". Và nhử vử y, vử n đử cừn lử i đử i vử i Mử thử chử là làm sao rửt rử đử c cho ẻm thử m, ít bử tử n hử i vử uy tửn là đử c rử i.

Säp đä mau lä

Đäi näi, vä nhäng lý do đã đäa täi säp đä mau lä, Đäi Täng Cao Văn Viên nhän đänh räng quyät đänh "tái phäi trí" cäa Täng thäng Thiäu đã thay đäi toàn diän chiän läu cä "bäo vä lãnh thä bäng mäi giá" sang "bäo vä lãnh thä theo khä năng?" Tuy dù nó có häp lý trong tình thä đang xäy ra, nhäng nó "đã quá trä sau khi mät Ban Mê Thuäc". Tuy nhiên, ông cũng nhän đänh räng "Đä là cái nhìn vä phäng diän quân sä trong giai đäng näng hän". Còn vä khä năng tän täi, ông cho là "vän còn tùy thuäc vào sä quân viän Hoa kä cung cäp cho VNäVH". Đäi täng Viên đã kät luän: "Mät sä thät không thä chäi cãi là quân đäi VNäCH sä hät đän và nhiên liäu vào tháng 6-1975 näu không nhän đä cä quân viän phä träi. Và mät quân đäi sä không thä nào chiän đäu näu không có nhäng trang bä cän thiät đä chiän đäu" (xem chäng 8).

Đä là vä đän đä cä, nhiên liäu cän thiät đä chiän đäu. Còn vä thäc phäm, quän áo, thuäc men, băng cäu thäng cho quân đäi, cũng nhä nhu cäu sinh säng cäa gia đänh hä thì sao? Mät đäu mà cho täi nay cũng ít ai hay biät, đó là viäc Quäc häi Hoa kä còn đi täi chä cän tàu ráo máng. Ngoài viäc cät viän trä quân sä, cät xén viän trä kinh tä, läi còn xiät chät cách sä đäng viän trä kinh tä.

Näm 1974, VNäCH säp đi täi chä phäi ngäng, không đä cä dùng tiän do Quä đäi giá (phát xuät tä viän trä kinh tä đäi sang tiän Viät) đä tài trä cho ngân sách quäc phòng, täc là đä trä läng cho 1 triäu 200 ngàn quân nhân. Thä räi Quäc häi còn đi thêm bä cä näa, cäm luôn cä trä läng cho cänh sát. Läc läng cänh sát lúc đó là 120.000 ngäng i. Lúc đó, näu biät đä cä đän nông näi này, thì liäu quân, dân Miän Nam đã nghĩ sao? Vì väy, tin này không đä cä phä biän. Ngày nay ta có thä đät läi câu häi: thä thì, bät đäu tä năm 1976 chính phú VNäCH läy tiän đäu mà trä läng cho quân đäi, cänh sát?

Đäu mà cuän sách này muän nhän mänh là cái cung cách mà mät sä chính khách Hoa kä, đä cä biät là Cä vän Täng thäng kiêm Ngoäi täng Henry Kissinger đã sä đäng đä bä räi Miän Nam. Trä cä hät là dùng thä đäng đä trá trong bóng täi. Sau đó, là áp läc, đe doä, và cam kät, bäo đäm. Nhäng häa hän xong räi thì quay mät đi, läi đäu giäm cä Chính phủ, Quäc häi län nhân dân Hoa kä. Hành đäng nhä väy là trái väi nän täng "công bình", mät giá trä mà nhân dân Mä đä cao, phän läi sä "minh bäch" (transparency), mät nguyên täc quan träng vào bäc nhät cäa thä chä dân chä, và hä xuäng thät thäp uy tín cäa nän ngoäi giao Hoa kä.

Hoä ra, nhäng cam kät chä là mät công cä đä che đäu mät kä hoäch gäi là "khoäng thäi gian coi đä cä". Kä hoäch này chä nhäm ban phát cho Miän Nam mät thäi gian ngän ngäi, mät khoäng cách coi cho đä cä, tä lúc Mä rút cho täi khi säp đä

Täi ngày nay, nhäng ngäng i lãnh đäo Mä có trách nhiäm đäi väi Miän Nam đäu nhät thiät đä cho Watergate. Vä này đã làm suy yäu quyän hän cäa Täng thäng, nên Mä không làm gì đä cä đä giúp Miän Nam. Mät phän nào luän đäu đó đã bä bác đi trong cuän sách này.

Ngän gän, ta có thä khäng đänh räng, ngay trä cä Watergate, vào thäi đäi mä quyän hän cäa Täng thäng Mä còn rät mänh mä, đó là sau khi ông Nixon đã đäi thäng nhiäm kä hai, Kissinger đã có ý đänh bä räi Miän Nam räi. Nhä đã thuät läi trong Chäng 13, Täng thäng Nixon väa tái đäng quang thì vài ngày sau, Kissinger ký tät vào bän Hiäp đänh Paris. Ký xong, Phä Tá Täng thäng Nixon là John Ehrlichman có häi: "Ông nghĩ räng Hiäp đänh này sä cho Miän Nam tän täi đä cä bao lâu näa?" Täng Kissinger sä nói vài câu có tính cách đäm bäo. Nhäng không, ông ta trä läi thäng thäng: "Näu hä may män thì có thä cäm cä đä cä mät năm rä i" (2).

Chäc chän räng viäc dân chúng Hoa kä chán ghét chiän tranh cũng đã là yäu tä quan träng thúc đäy viäc säp đä mau lä, nhäng ta nên nhä räng, tä khi Mä đã rút đi hät, không còn bä thäng vong näa, và 519 tù nhân đä cä thä vä, thì sä chäng đäi đã giäm hän, và thành phä

Washington không còn có nhửng cuửc biửu tình vĩ đửi nhử lúc trửc nử a. Đửu tử hửi nhửt là vào lúc Quửc hửi giử thanh gửm đửo phử đử chửt đửt cái đửng đửng khí đửng nuửi sửng Miửn Nam, hử đử hoàn toàn không đửc thông báo gì vử nhửng cam kửt cửa phía Hành pháp đửi vửi Miửn Nam. Tửi khi Tửng thửng và Quửc hửi VNCH viửt thử cửu cửu vào giử hửp hửi, nhửn đửn Hoa kử cũng không đửc hay biửt. Nhử đử trình bày trong chửng 10, nhửn đửi đử chử sử, tửi cũng không khửi suy tử, và đửt mửt câu hửi khửc: tửi sao phía VNCH đửi cử âm thửm tử hử 1973 khi Quửc hửi Mử bửt đửu cửt xén viửn trử? Tửi sao lửnh đửo hành pháp và đử pháp không hửp đửi đử bàn luửn vử hử sử mửt xem phửi nửn đửi xử làm sao vửi Hoa kử trong hoàn cử nhử chính trử cửa Watergate, và đử đửi triửu mửt Tửng thửng Mử mửi? Viửc này chử đửc làm sau khi rút khửi Pleiku. Lúc đử thì đử quá muửn. Ta có thử cho rửng: vì nhửng chửng đửi chiửn tranh tử phía nhửn đửn, dù Quửc hửi Mử đửc biửt mửi chửn, có thử là hử cũng vửn cử cửt hửt viửn trử. Tuy nhiửn, trửn cửn bửn công bửnh, Quửc hửi khử mà cửt đử mửt cách quá đửt ngửt và đửt khoát nhử đử xử y ra. Quửc hửi sử phửi nhửn thửc rửng, vửi nhửng đửm bửo vửng chửc cửa Tửng thửng Mử, mà Tửng thửng là ngử đửi đửi đửn nử cử Mử, nử vửn cửt hửt viửn trử cho Miửn Nam thì uy tửn nử ngoửi giao Hoa kử sử bử tửn thửng đửn. Nhửng cam kửt bửng vửn bửn hay nói miửng cửa Tửng thửng Nixon, ông Kissinger, Tửng thửng Ford vửi Tửng thửng Thiửu, Ngoửi trửng Lửm đửu là nhửng trao đửi giử a hai quửc gia Hoa kử và VNCH chử không phửi giử a cá nhửn các ông này.

Đử không bao giử phía Hoa kử thông báo cho Chính phử Miửn Nam là hử muửn rút hửt đửi nhửng cam kửt đử, hay là chúng cửn đửc sử đửng ý cửa Quửc hửi. Ngử đửi đửi, chính Tửng thửng Ford khi lửn kử vử Tửng thửng Nixon vào thửng 8, 1974 đửi cửn vửi vửng gửi thử cho Tửng thửng Thiửu đử tái xác nhửn nhửng cam kửt cửa vử tửn nhiửm. Chử trong hai bửc thử cuửi cửng trửc khi sửp đử, ông Ford mửi nói tửi viửc quân viửn cửn đửc Quửc hửi chửp thuửn. Ông Kissinger, ngử đửi kiửm nhiửm cử hai chửc Cử Vửn An Ninh và Ngoửi trửng, đửi là ngử đửi đửi kửi nhửn chính sách ngoửi giao cửa cử hai Chính phử Nixon và Ford, đử che đửu cử chính đửng liửu mình là Tửng trửng quửc phửng. Khi ông Schlesinger đửc đửc vài bửc thử (do chính tác giử cung cửp) ông đử tìm cách thông báo cho ngử sĩ Henry Jackson biửt, và ông này bửt đửu đửt vửn đử. Nhửn viửn Toà Bử chửc vửi vửng đửc soát hử sử, nhửng cũng chử tìm đửc có 7 bửc thử cửa Tửng thửng Nixon mà thôi. Vửy cửn 20 lá thử kia do ai đửu đử?

Sau nhửng tửt đử cửa chúng tửi đử chửng minh vử sử thửt hửa và yử cử Chính phử Mử cửu vửt đửo đửn đử đử đử (trong cuửc hửp báo tửi Washington ngày 30-4-1975), Kissinger chửng chử, cho nhử là viửc đử rửi, và đửo có gì là quan trửng vử mửt pháp lý! Ông cửn cửi đửi là nửu chửp nửi đửt cử nhửng đửi tuyên bử chử này chử nử cửa chính ông và cửa các quan chửc trong chính quyửn Hoa kử trong quá khử, thì trửc sau, nó cũng đử nói lửn nhửng đửu giửng nhử cam kửt trong các thử tửn đửi. Có gì đửo mà phửi thửc mửc? Hành đửng đửi lửo và đửi trá trong bí mửt nhử vửy, chửc chửn đử không xửng đửng vửi đử cách cửa kử cử, cửa lửnh đửo mửt cửng quửc. Vử sử phửn bửi, trong mửt buửi làm viửc giử a các đửng lửnh VNCH tửi Mử sau ngày sửp đử đử biên soửn 13 cuửn sách chửn đử nhửn đử nhử vử cuửc chiửn tranh VN theo quan đửm cửa VNCH (trong đử có Đửi Tửng Cao Vửn Viửn, Trung đửng Ngử Quang Trửng), trong khửn khử mửt chửng đửn đử "Trung Tâm Quân Sử đử quân Hoa kử" khửi xửng (Indochinese Refugee Authored Monograph Program) đửng William Westmoreland, cửu Tử đử nhử quân đửc Mử tửi Viửt nam có tửi đử. Sau khi trửn đử, ông Westmoreland đử tóm gửn: "Chúng tửi đử phửn bửi các anh!"(We betrayed you)

Tửi sao chử cửu vửt sử tửi thiửu

Cửu hửi sau cửng là: tửi lúc sửp đử, sao Mử đửi chử muửn cửu vửt quá ít ngử đửi Viửt nam? Lúc đửu chử đử nhử giửp đử đửn 50.000 ngử đửi, phửt chửt mửi tửng lửn, đửng sử là đử đửi 130.000 ngử đửi.

Khi Địch Minh Tháo Chủy - Phấn V - Chàng 19

Tác Giả: GS.TS. Nguyễn Tiến Hoàng
Thứ Ba, 25 Tháng 5 Năm 2010 01:50

Có thể là vì ba lý do:

- thứ nhất, là lý do kinh tế. Năm kinh tế của Mỹ vào năm 1975 đang trong tình trạng khó khăn sau khủng hoảng dầu lửa bất ổn mùa Thu 1973. Khi thất nghiệp lên tới 9%, khó mà nhân dân Mỹ chấp nhận cho mang thêm nhân công vào nước Mỹ;
- thứ hai, với phương diện tin tức, nếu có sự nhiễu loạn thì sẽ làm xáo trộn, mất niềm tin vào gian tin tức, chuyên chế, và sẽ có thể đem tới nguy hiểm cho 6,000 người Mỹ còn kẹt lại; và
- thứ ba, đâu có nhu cầu chính trị gia Mỹ muốn cho sự đồng nghiệp Việt kéo nhau vào nước Mỹ? Nếu vào quá đông thì hình thành nên các chi nhánh tranh Việt nam sẽ càng làm vấn đề mãi. Cũng như sẽ khiến là có ít người muốn luôn nhìn thấy nhân chủng và sự thất bại của mình. bao giờ Miền Nam sụp đổ, Kissinger còn nguy hiểm rằng "Sao chúng không chết phớt cho rồi? Điếu hủi nhốt có thể xảy ra là chúng sẽ sống dai dẳng hoài".

Chú thích:

- (1) Xem một điểm của Địch sĩ Martin ngày 26 tháng 4, 1975 nói về điểm này: N.T. Hoàng and J. Schechter, The Palace File, trang 341.
- (2) John Ehrlichman, sđd., trang 288.

hết: Phấn V - Chàng 19, xem tiếp:

[Phấn V - Chàng 20](#)